Vì sao Trung Quốc không e ngại Hoa Kỳ

Bởi Frank , 28 Tháng 10 2026

Vì sao Trung Quốc không e ngại Hoa Kỳ

Zhang Weiwei, nhà nước-văn minh và cuộc đấu tranh vì một trật tự thế giới đa cực



Phân tích triết lý chính trị của Trung Quốc, quá trình chuyển đổi kinh tế của nước này, thách thức đối với quyền bá chủ của phương Tây và những tầm nhìn cạnh tranh về trật tự quốc tế đang hình thành. Bài viết dựa trên bài phát biểu của Giáo sư Zhang Weiwei tại Diễn đàn Đông – Tây ở Istanbul ngày 26 tháng 9 năm 2026, đồng thời được bổ sung bằng phân tích lịch sử, nghiên cứu thể chế và các nguồn tư liệu có thể kiểm chứng độc lập.

Tác giả: Frank Dumon

Lời mở đầu: Một trật tự thế giới đang chuyển đổi

Ngày 26 tháng 9 năm 2026, học giả chính trị Trung Quốc Zhang Weiwei đã phát biểu tại Diễn đàn Đông – Tây ở Istanbul, trình bày cách nhìn của ông về vị trí của Trung Quốc trong một hệ thống quốc tế đang thay đổi nhanh chóng. Zhang, Giám đốc Viện Nghiên cứu Trung Quốc thuộc Đại học Phúc Đán ở Thượng Hải, tham gia cuộc thảo luận mang tên *Thế giới trong thời kỳ chuyển đổi: Tính đa cực và sự kết thúc của trật tự tự do*. Những người tham gia khác bao gồm các học giả như Glenn Diesen, Anatol Lieven và Jagannath Panda. Diễn đàn quy tụ các trí thức đến từ châu Âu, châu Á và những khu vực khác nhằm xem xét sự thay đổi trong mối quan hệ giữa các nền văn minh, các quốc gia và quyền lực toàn cầu.

Luận điểm trung tâm của ông là thế giới trên thực tế đã trở thành đa cực về kinh tế và chính trị, mặc dù các thể chế điều hành quan hệ quốc tế vẫn tiếp tục phản ánh sự phân bổ quyền lực của một thời kỳ trước. Lập luận của Zhang vượt xa nhận định quen thuộc rằng Trung Quốc đã trở thành đối thủ cạnh tranh kinh tế của Hoa Kỳ. Ông cho rằng Trung Quốc đại diện cho một truyền thống chính trị và văn minh khác biệt, không thể được hiểu một cách đầy đủ thông qua khuôn khổ khái niệm của nền dân chủ tự do phương Tây.

Theo cách diễn giải của ông, sự trỗi dậy của Trung Quốc không đơn thuần là sự xuất hiện của một quốc gia-dân tộc hùng mạnh khác. Đó là sự tái xuất hiện của một nền văn minh cổ xưa dưới hình thức một nhà nước hiện đại có trình độ công nghệ tiên tiến, nền công nghiệp phát triển cao và sự thống nhất về chính trị. Sự phân biệt này rất quan trọng vì nó thách thức một giả định đã ảnh hưởng đến tư duy quan hệ quốc tế của phương Tây kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc: kỳ vọng rằng hiện đại hóa kinh tế cuối cùng sẽ dẫn đến sự hội tụ chính trị theo các thể chế phương Tây. Zhang cho rằng kỳ vọng này bắt nguồn từ sự hiểu biết sai lệch về lịch sử, văn hóa chính trị và nghệ thuật quản trị nhà nước của Trung Quốc.

Lập luận của ông cũng đặt ra những câu hỏi cần được nghiên cứu độc lập. Liệu kinh nghiệm phát triển của Trung Quốc có chứng minh sự tồn tại của một mô hình hiện đại hóa thay thế có khả năng tồn tại lâu dài hay không? Một hệ thống quốc tế đa cực có thể thúc đẩy hợp tác nhiều hơn thay vì gia tăng đối đầu hay không? Và liệu sự ưu tiên được Trung Quốc tuyên bố dành cho phát triển hòa bình có luôn phù hợp với hành động của nước này trong các tranh chấp quốc tế hay không? Để hiểu những vấn đề này, cần phân biệt ba yếu tố: sự chuyển đổi kinh tế có thể đo lường được của Trung Quốc, cách Zhang diễn giải sự chuyển đổi đó và những nhận định chính trị của ông về trật tự quốc tế trong tương lai.

1. Trung Quốc với tư cách một nhà nước-văn minh

Một trong những đóng góp đặc sắc nhất của Zhang cho cuộc tranh luận chính trị đương đại là khái niệm nhà nước-văn minh. Trong lý thuyết quan hệ quốc tế truyền thống, quốc gia-dân tộc hiện đại thường được hiểu là một thực thể chính trị thực thi chủ quyền đối với một lãnh thổ và một cộng đồng dân cư xác định. Tính chính danh của thực thể đó có thể bắt nguồn từ các thể chế hiến định, bản sắc dân tộc, chủ quyền nhân dân hoặc tính liên tục lịch sử. Zhang cho rằng không thể mô tả đầy đủ Trung Quốc chỉ bằng khuôn khổ này.

Ông xác định bốn đặc điểm khiến sự phát triển lịch sử và chính trị của Trung Quốc trở nên khác biệt:

- Một dân số có quy mô đặc biệt lớn.
- Một lãnh thổ địa lý vô cùng rộng lớn.
- Một truyền thống lịch sử liên tục kéo dài qua hàng nghìn năm.
- Một di sản văn hóa đặc biệt phong phú và đa dạng.

Ông gọi những đặc điểm này là “bốn siêu đặc trưng”. Khuôn khổ lý thuyết rộng hơn của ông còn bao gồm bốn đặc điểm riêng biệt liên quan đến ngôn ngữ, chính trị, xã hội và kinh tế Trung Quốc. Đối với Zhang, yếu tố then chốt nằm ở sự tương tác giữa một nền văn minh cổ xưa và năng lực thể chế hiện đại. Di sản lịch sử của Trung Quốc không chỉ là tập hợp các di tích, văn bản triết học và tập quán văn hóa. Nó được trình bày như một nguồn sống động của tính chính danh chính trị và sự liên tục trong quản trị.

Vì lý do đó, ông đặt hệ thống quản trị Trung Quốc trong thế đối chiếu với mô hình bầu cử phương Tây. Theo cách diễn đạt của ông, các hệ thống chính trị phương Tây nhấn mạnh bầu cử, trong khi hệ thống Trung Quốc kết hợp tuyển chọn với bầu cử, dựa trên một truyền thống lâu đời hơn về tuyển dụng và thăng tiến quan chức theo năng lực. Sự phân biệt này phản ánh một yếu tố quan trọng trong lịch sử chính trị Trung Quốc.

Trong nhiều thế kỷ, Trung Quốc thời đế chế đã sử dụng các kỳ thi để tuyển chọn quan chức cho bộ máy hành chính. Những thể chế này phát triển theo thời gian và chưa bao giờ hoàn toàn tránh khỏi quan hệ bảo trợ, đặc quyền cha truyền con nối hoặc sự can thiệp chính trị. Tuy nhiên, chúng đã góp phần hình thành một truyền thống trong đó năng lực hành chính và giáo dục giữ vị trí trung tâm trong tổ chức nhà nước.

Zhang xem nền quản trị Trung Quốc đương đại là sự thích nghi hiện đại của truyền thống đó. Tuy nhiên, tính liên tục lịch sử không chứng minh rằng quá trình tuyển chọn chính trị hiện nay vận hành độc lập với sự kiểm soát của đảng. Trung Quốc hiện đại được lãnh đạo bởi Đảng Cộng sản Trung Quốc, tổ chức nắm quyền quyết định đối với các bổ nhiệm chính trị cấp cao và khuôn khổ thể chế mà trong đó các cuộc bầu cử được tiến hành.

Vì vậy, sự phân biệt giữa năng lực quản trị và trách nhiệm giải trình dân chủ là điều thiết yếu. Một chính phủ có thể sở hữu trình độ chuyên môn kỹ thuật đáng kể nhưng đồng thời chỉ dành không gian hạn chế cho phe đối lập chính trị. Ngược lại, một hệ thống bầu cử có thể cho phép thay thế chính phủ mà không bảo đảm một nền quản trị hiệu quả. Đây là những phương diện khác nhau của quản trị, và không phương diện nào có thể thay thế việc xem xét phương diện còn lại.

Trong cuộc phỏng vấn với Pankaj Mishra vào tháng 2 năm 2026, Zhang đã phát triển thêm lập luận về nhà nước-văn minh, trình bày các truyền thống chính trị riêng của Trung Quốc như một lựa chọn thay thế cho quan niệm rằng dân chủ tự do là đích đến cuối cùng của hiện đại hóa chính trị. Ý nghĩa sâu xa hơn của lý thuyết này nằm ở việc bác bỏ ý tưởng rằng chỉ tồn tại một con đường phổ quát duy nhất từ phát triển kinh tế đến hiện đại chính trị.

2. Sự kết thúc của thời kỳ đơn cực

Luận điểm quan trọng thứ hai của Zhang liên quan đến sự thay đổi trong phân bổ quyền lực toàn cầu. Sau khi Liên Xô tan rã năm 1991, Hoa Kỳ chiếm một vị thế thống trị đặc biệt trong các vấn đề quốc tế. Năng lực quân sự, các định chế tài chính, các công ty công nghệ và mạng lưới liên minh của Mỹ mang lại cho Washington một mức độ ảnh hưởng mà không một đối thủ riêng lẻ nào có thể sánh ngang.

Tuy nhiên, hệ thống quốc tế vẫn phức tạp hơn một hệ thống thứ bậc đơn giản. Liên minh châu Âu, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ và những quốc gia khác vẫn duy trì năng lực kinh tế, ngoại giao hoặc quân sự đáng kể. Điều thay đổi trong những thập niên tiếp theo là sự phân bổ tương đối của sản lượng kinh tế và năng lực công nghệ. Trung Quốc trở thành một trong những cường quốc sản xuất công nghiệp và thương mại hàng đầu thế giới. Ấn Độ gia tăng trọng lượng kinh tế, trong khi các nền kinh tế châu Á khác phát triển năng lực công nghiệp và công nghệ ngày càng tinh vi.

Zhang nhấn mạnh tầm quan trọng kinh tế ngày càng lớn của BRICS như bằng chứng cho thấy nền kinh tế thế giới không còn có thể được hiểu chủ yếu thông qua G7. Lập luận này đòi hỏi một sự phân biệt quan trọng về thống kê. Tổng sản phẩm quốc nội được đo theo sức mua tương đương (PPP) điều chỉnh sự khác biệt về mức giá trong

nước. Ngược lại, GDP được đo theo tỷ giá hối đoái thị trường phản ánh giá trị sản lượng tính bằng đô la trên thị trường quốc tế và thường phù hợp hơn để đánh giá sức mạnh tài chính xuyên biên giới. Ngân hàng Thế giới công bố các bộ dữ liệu so sánh riêng biệt về GDP theo PPP, trong khi Quỹ Tiền tệ Quốc tế cung cấp những chỉ số kinh tế có thể so sánh trên phạm vi quốc tế.

Do đó, bất kỳ khẳng định nào cho rằng BRICS đã vượt qua G7 đều phải xác định rõ thành phần của mỗi nhóm, năm tham chiếu và phương pháp tính toán được sử dụng. Ngay cả khi BRICS vượt G7 về sản lượng điều chỉnh theo sức mua tương đương, điều đó không có nghĩa là nhóm này nắm giữ tỷ trọng tương đương trong cơ sở hạ tầng tài chính quốc tế, các đồng tiền dự trữ, quyền sở hữu trí tuệ công nghệ hoặc năng lực quân sự.

Đa cực về kinh tế không đồng nghĩa với đa cực về chiến lược. Tuy nhiên, trọng lượng kinh tế ngày càng lớn của các quốc gia mới nổi đặt ra một câu hỏi chính đáng về thể chế: liệu quá trình ra quyết định toàn cầu có nên tiếp tục phản ánh tương quan quyền lực được thiết lập sau Chiến tranh Thế giới thứ hai hay không? Câu trả lời của Zhang là quản trị quốc tế phải thích ứng với những thực tế đang thay đổi của ảnh hưởng kinh tế và chính trị.

Thách thức nằm ở chỗ tính đa cực mô tả sự phân bổ quyền lực, nhưng bản thân nó không quyết định quyền lực ấy sẽ được thực thi một cách có trách nhiệm như thế nào. Một thế giới có nhiều cường quốc có thể tạo ra sự linh hoạt ngoại giao lớn hơn và giảm sự phụ thuộc vào một quốc gia duy nhất. Tuy nhiên, nó cũng có thể làm gia tăng cơ hội cạnh tranh, hình thành những liên minh đối địch và nảy sinh xung đột khu vực. Kết quả phụ thuộc vào các thể chế, thỏa thuận và quyết định chính trị đi kèm với quá trình tái phân bổ quyền lực.

3. Triết lý chính trị Trung Quốc: Thống nhất, thịnh vượng và kiên nhẫn chiến lược

Zhang đối chiếu hai cách tiếp cận lớn đối với quan hệ quốc tế. Ông mô tả tư duy địa chính trị phương Tây thường được tổ chức quanh sự phân biệt giữa bạn và thù, trong khi trình bày nghệ thuật quản trị nhà nước của Trung Quốc như một cách tiếp cận xem các quốc gia khác là bạn bè hoặc những người bạn tiềm năng. Ông liên hệ cách tiếp cận này với tầm quan trọng của sự kiên nhẫn chiến lược, hoạch định dài hạn và tránh những cuộc đối đầu quân sự không cần thiết.

Một trong những ảnh hưởng lịch sử mà ông nêu ra là *Binh pháp Tôn Tử*. Tác phẩm này nhấn mạnh tầm quan trọng chiến lược của tình báo, chuẩn bị, phán đoán chính

trị và việc đạt được mục tiêu mà không cần những trận chiến không cần thiết. Zhang diễn giải truyền thống này như bằng chứng về sự ưu tiên của Trung Quốc đối với việc hạn chế sử dụng vũ lực quân sự. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ giữa một truyền thống triết học và hành vi lịch sử của các quốc gia.

Lịch sử Trung Quốc bao gồm những giai đoạn kéo dài của nội chiến, mở rộng lãnh thổ, xung đột giữa các triều đại và đối đầu quân sự với các cường quốc láng giềng. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa cũng đã tham gia các cuộc xung đột vũ trang kể từ khi thành lập năm 1949, bao gồm Chiến tranh Triều Tiên, cuộc chiến với Ấn Độ năm 1962 và cuộc tiến công quân sự vào Việt Nam năm 1979. Những sự kiện này không làm giảm tầm quan trọng của tư tưởng kiềm chế chiến lược trong nền chính trị Trung Quốc. Tuy nhiên, chúng cho thấy các nguyên tắc triết học không thể được coi là bằng chứng đầy đủ cho một hành vi quốc gia nhất quán.

Vì vậy, lập luận của Zhang hữu ích nhất khi được hiểu là sự mô tả hình ảnh ngoại giao mà Trung Quốc mong muốn thể hiện và học thuyết chiến lược của nước này, thay vì bằng chứng rằng Trung Quốc trong lịch sử đã tránh các cuộc xung đột quân sự. Sự phân biệt tương tự cũng áp dụng cho nhận định của ông rằng Trung Quốc có ngưỡng sử dụng vũ lực đặc biệt cao. Nhận định đó đòi hỏi bằng chứng lịch sử mang tính so sánh, một định nghĩa thống nhất về vũ lực quân sự và sự xem xét cẩn trọng những tranh chấp liên quan đến biên giới và các yêu sách trên biển của Trung Quốc.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng các nhà lãnh đạo Trung Quốc thường trình bày phát triển, ổn định và chủ quyền như những ưu tiên quốc gia gắn bó chặt chẽ với nhau. Từ góc nhìn này, một cuộc đối đầu kéo dài với Hoa Kỳ sẽ gây ra những tổn thất kinh tế và chiến lược mà Trung Quốc có lý do chính đáng để tránh. Điều đó đưa ra một cách giải thích cụ thể hơn cho sự kiên nhẫn chiến lược so với việc chỉ viện dẫn truyền thống văn hóa.

4. Phát triển như một nguồn gốc của tính chính danh chính trị

Một trong những yếu tố quan trọng nhất trong lập luận của Zhang là sự nhấn mạnh vào phát triển vật chất và xã hội. Ông liên hệ triết lý chính trị Trung Quốc với nguyên tắc Nho giáo rằng chính quyền phải đặt đời sống của người dân lên hàng đầu. Theo cách diễn giải của ông, tính chính danh chính trị không chỉ phụ thuộc vào thủ tục mà qua đó các nhà lãnh đạo lên nắm quyền. Nó còn phụ thuộc vào khả năng của chính quyền trong việc cải thiện điều kiện sống, bảo đảm an ninh và duy trì phát triển kinh tế.

Sự phân biệt này giúp giải thích vì sao các quan chức Trung Quốc thường nhấn mạnh cơ sở hạ tầng, giảm nghèo, giáo dục và hiện đại hóa công nghiệp khi thảo luận về những thành tựu chính trị của đất nước. Có nhiều bằng chứng đáng kể cho thấy Trung Quốc đã trải qua một quá trình chuyển đổi phi thường về phát triển con người. Theo Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc, Chỉ số Phát triển Con người của Trung Quốc tăng từ 0,410 năm 1978 lên 0,752 năm 2017. Trong đánh giá công bố tháng 2 năm 2026, UNDP ghi nhận chỉ số HDI của Trung Quốc năm 2023 đạt 0,797, gần ngưỡng phát triển con người rất cao.

Chỉ số Phát triển Con người của Trung Quốc

- **1978 0.410**
- **2017 0.752**
- **2023 0.797**

Nguồn: Các báo cáo quốc gia và khu vực của UNDP về phát triển con người. Những giá trị này phản ánh các đánh giá lịch sử và có thể khác với những chuỗi số liệu được điều chỉnh về sau.

Những con số này cho thấy sự cải thiện đáng kể về thu nhập, giáo dục và tuổi thọ trong nhiều thập niên. Chúng cũng giải thích vì sao kinh nghiệm phát triển của Trung Quốc thu hút sự quan tâm của những quốc gia đang tìm kiếm các lựa chọn thay thế cho những chiến lược phát triển truyền thống của phương Tây. Tuy nhiên, cần đưa ra một số lưu ý quan trọng.

Thứ nhất, không thể chỉ quy sự chuyển đổi của Trung Quốc cho các thể chế chính trị. Quá trình đó còn bao gồm cải cách nông nghiệp, công nghiệp hóa, đầu tư nước ngoài, sản xuất hướng về xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, tiết kiệm trong nước, giáo dục và hội nhập vào thương mại quốc tế.

Thứ hai, tiến bộ chung ở cấp quốc gia không xóa bỏ được bất bình đẳng giữa các vùng, áp lực dân số hay chi phí môi trường. Đánh giá của UNDP năm 2026 xác định rõ những yếu tố này là các thách thức còn tồn tại. Thứ ba, thành tựu kinh tế và quyền chính trị cần được đánh giá riêng biệt. Báo cáo năm 2025 của Freedom House mô tả những hạn chế đáng kể đối với cạnh tranh chính trị, xã hội dân sự độc lập, tự do

truyền thông và việc công khai bày tỏ quan điểm bất đồng tại Trung Quốc. Đánh giá này phản ánh một khuôn khổ thể chế dựa trên quyền, khác với quan niệm quản trị chú trọng kết quả của Zhang.

Sự tương phản này minh họa một bất đồng căn bản giữa các truyền thống chính trị cạnh tranh nhau. Một cách tiếp cận đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm giải trình thông qua bầu cử và các quyền tự do cá nhân. Cách tiếp cận khác coi trọng hơn sự phát triển tập thể, ổn định và hiệu quả quản trị. Về nguyên tắc, những ưu tiên này không nhất thiết loại trừ lẫn nhau. Câu hỏi thực tiễn là làm thế nào các thể chế có thể cung cấp dịch vụ công, đồng thời ngăn chặn việc thực thi quyền lực tùy tiện, tham nhũng và lạm quyền. Một sự so sánh nghiêm túc phải xem xét cả kết quả vật chất của quản trị lẫn các cơ chế cho phép công dân chất vấn và phản đối những quyết định chính trị.

5. Sáng kiến Vành đai và Con đường: Cơ sở hạ tầng như một công cụ địa chính trị

Zhang trình bày Sáng kiến Vành đai và Con đường (Belt and Road Initiative – BRI) như một trong những biểu hiện cụ thể nhất của trật tự quốc tế mà Trung Quốc mong muốn xây dựng. Thay vì chủ yếu dựa vào các liên minh quân sự, sáng kiến này tìm cách mở rộng sự kết nối kinh tế thông qua giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần và những dự án cơ sở hạ tầng khác. Ý nghĩa của nó vượt xa các hợp đồng xây dựng riêng lẻ.

Các hành lang đường sắt, cảng biển, mạng lưới điện và tuyến thương mại xuyên biên giới có thể làm thay đổi địa lý kinh tế của toàn bộ các khu vực. Đối với những quốc gia không giáp biển ở Trung Á, việc cải thiện các tuyến giao thông có thể giảm sự phụ thuộc vào một số ít tuyến quá cảnh và tạo điều kiện tiếp cận thị trường quốc tế. Đây chính là bối cảnh cho lập luận của Zhang rằng hội nhập khu vực có thể biến những bất lợi về địa lý thành cơ hội kinh tế.

Ông mô tả quá trình chuyển đổi từ các nền kinh tế “không giáp biển” sang các nền kinh tế “được kết nối bằng đường bộ”. Ngân hàng Thế giới đã nghiên cứu những lợi ích tiềm năng của các hành lang vận tải thuộc Sáng kiến Vành đai và Con đường và nhận thấy rằng việc cải thiện kết nối có thể hỗ trợ thương mại, đầu tư và phúc lợi kinh tế. Tuy nhiên, tổ chức này cũng xác định những rủi ro quan trọng liên quan đến tính bền vững của nợ, thiệt hại môi trường, hoạt động mua sắm công, tham nhũng và tình trạng thiếu minh bạch.

Những kết luận này rất quan trọng vì chúng cho phép đưa ra một đánh giá chính xác hơn so với việc ca ngợi vô điều kiện hoặc bác bỏ hoàn toàn. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng không tự động mang lại lợi ích chỉ vì một tuyến đường sắt, đường cao tốc hoặc cảng biển đã được xây dựng. Giá trị kinh tế của nó phụ thuộc vào những yếu tố như mức độ sử dụng, chi phí tài chính, nghĩa vụ bảo trì, khả năng tạo thuận lợi cho thương mại và cách phân bổ lợi ích.

Chẳng hạn, một hành lang vận tải có thể cải thiện đáng kể hoạt động thương mại trong khu vực nhưng lại không tạo ra đủ doanh thu để đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán khoản tài trợ cho dự án. Tương tự, một cảng biển có thể trở nên có giá trị về mặt thương mại nhưng vẫn khiến chính phủ nước tiếp nhận phải đối mặt với những rủi ro hợp đồng hoặc tài chính. Vì vậy, nhận định của Zhang rằng BRI đại diện cho một mô hình hợp tác quốc tế mới cần được đánh giá thông qua từng dự án cụ thể và kết quả dài hạn của chúng.

Những câu hỏi cần được đặt ra bao gồm: ai tài trợ cho cơ sở hạ tầng, ai sở hữu, ai vận hành, những doanh nghiệp nào nhận được hợp đồng xây dựng và liệu người dân nước tiếp nhận có thu được những lợi ích kinh tế có thể đo lường được hay không. Sáng kiến này cho thấy Trung Quốc sở hữu năng lực tài chính, công nghiệp và tổ chức để triển khai những dự án phát triển quốc tế quy mô lớn. Tuy nhiên, liệu các dự án đó có tạo ra những quan hệ quốc tế công bằng hơn hay không phải được xác định bằng bằng chứng, chứ không thể mặc nhiên suy ra từ các mục tiêu được tuyên bố.

6. ASEAN và sự hội nhập kinh tế của châu Á

Zhang xem quan hệ giữa Trung Quốc và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là một ví dụ về hợp tác khu vực được xây dựng trên nền tảng phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế. Ông nhấn mạnh đối thoại, tôn trọng chủ quyền, kiên nhẫn chiến lược và tầm quan trọng của việc duy trì vai trò ngoại giao trung tâm của các thể chế ASEAN. Có nhiều bằng chứng kinh tế đáng kể cho thấy tầm quan trọng của mối quan hệ này. Theo số liệu thống kê chính thức của ASEAN, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN kể từ năm 2009, trong khi ASEAN là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc kể từ năm 2019.

Quan hệ kinh tế ASEAN – Trung Quốc, năm 2024

$772.4B Thương mại hàng hóa song phương

$19.3B Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào ASEAN

Nguồn: Ban Thư ký ASEAN, số liệu thống kê chính thức về quan hệ kinh tế.

Giá trị thương mại hàng hóa này chiếm khoảng 20,1% tổng thương mại của ASEAN trong năm 2024. Mức độ hội nhập kinh tế đó tạo ra những động lực đáng kể để Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á duy trì quan hệ thương mại ổn định. Tuy nhiên, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế không xóa bỏ các tranh chấp địa chính trị. Một số thành viên ASEAN có những yêu sách biển chồng lấn với Trung Quốc tại Biển Đông. Những tranh chấp này liên quan đến chủ quyền lãnh thổ, các quyền trên biển, hoạt động đánh bắt thủy sản, tài nguyên năng lượng và quyền tự do hàng hải.

Năm 2016, một hội đồng trọng tài được thành lập theo Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển đã đưa ra phán quyết trong vụ kiện do Philippines khởi xướng. Hội đồng trọng tài xem xét các quyền trên biển và tính hợp pháp của một số hoạt động của Trung Quốc. Trung Quốc bác bỏ thủ tục trọng tài và không tham gia quá trình tố tụng.

Hội đồng trọng tài không đưa ra quyết định về chủ quyền đối với các lãnh thổ đất liền đang tranh chấp, nhưng những kết luận của hội đồng vẫn có ý nghĩa pháp lý quan trọng. Điều này đặt ra một phép thử đáng chú ý đối với cách diễn giải của Zhang. Nếu chính sách ngoại giao khu vực của Trung Quốc dựa trên bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, thì những bất đồng phải được giải quyết như thế nào khi các quốc gia láng giềng có cách diễn giải khác nhau về luật pháp quốc tế?

Việc Trung Quốc nhấn mạnh đàm phán song phương và ngoại giao lấy ASEAN làm trung tâm cần được xem xét cùng với lập trường pháp lý và những mối quan ngại về an ninh của từng quốc gia Đông Nam Á. Hội nhập kinh tế khu vực và cạnh tranh chiến lược có thể tồn tại đồng thời. Vì vậy, kinh nghiệm của ASEAN minh họa cả những khả năng lẫn những giới hạn của trật tự quốc tế dựa trên hợp tác mà Zhang mô tả.

7. Trung Quốc, Ấn Độ và vấn đề biên giới lịch sử

Một chủ đề quan trọng khác trong bài phát biểu của Zhang tại Istanbul là quan hệ giữa Trung Quốc và Ấn Độ. Ông đề cập đến di sản của quá trình phân định biên giới dưới thời thực dân Anh và lập luận rằng những tranh chấp biên giới chưa được giải quyết không nên cản trở phát triển kinh tế và hợp tác khu vực. Quan điểm này phản ánh một xu hướng ngoại giao rộng hơn của Trung Quốc: tách biệt những bất đồng lãnh thổ kéo dài khỏi các quan hệ kinh tế trước mắt.

Zhang gợi ý rằng một số tranh chấp có thể được tạm gác lại trong khi cả hai bên tập trung vào phát triển, qua đó cho phép các thế hệ tương lai tiến hành đàm phán trong những điều kiện thuận lợi hơn. Đề xuất này đặt ra một câu hỏi thực tiễn: liệu hợp tác kinh tế có thể tạo dựng đủ lòng tin lẫn nhau để giảm nguy cơ xung đột lãnh thổ hay không? Kinh nghiệm lịch sử đưa ra những bằng chứng trái chiều. Trung Quốc và Ấn Độ từng tiến hành một cuộc chiến tranh biên giới vào năm 1962, và khu vực biên giới tranh chấp giữa hai nước tiếp tục là nguồn căng thẳng thường xuyên. Tháng 6 năm 2020, binh sĩ hai nước đã đụng độ tại thung lũng Galwan. Ít nhất 20 binh sĩ Ấn Độ thiệt mạng, cùng với thương vong phía Trung Quốc mà con số chưa được xác nhận vào thời điểm xuất hiện những bản tin đầu tiên.

Sự kiện này cho thấy ngay cả khi các chính phủ tìm cách tránh một cuộc chiến tranh quy ước, những tranh chấp lãnh thổ chưa được giải quyết vẫn có thể dẫn đến các cuộc đối đầu gây chết người. Việc Zhang nhấn mạnh sự kiềm chế và đối thoại là điều có ý nghĩa, nhưng cách ông mô tả những cuộc đối đầu biên giới về cơ bản chỉ là những va chạm thể chất có giới hạn có nguy cơ đánh giá thấp mức độ nghiêm trọng của chúng. Từ góc nhìn của Ấn Độ, những vấn đề này còn liên quan đến toàn vẹn lãnh thổ, triển khai quân sự, cơ sở hạ tầng biên giới và độ tin cậy của các thỏa thuận hiện có.

Một giải pháp lâu dài sẽ đòi hỏi sự công nhận lẫn nhau đối với những mối quan ngại về an ninh, thay vì chỉ dựa vào cách diễn giải biên giới lịch sử của một quốc gia. Ý nghĩa địa chính trị rộng hơn của vấn đề này là rất lớn. Trung Quốc và Ấn Độ đều là những cường quốc lớn ở châu Á, có dân số đông, tiềm năng kinh tế đáng kể và tham vọng gia tăng ảnh hưởng quốc tế. Mối quan hệ giữa hai nước sẽ tác động đến hoạt động thực tế của BRICS, thương mại khu vực và bất kỳ cấu trúc an ninh châu Á nào trong tương lai. Không thể chỉ hiểu một thế giới đa cực như sự tái phân bổ ảnh hưởng từ Hoa Kỳ sang Trung Quốc. Thế giới đó còn phải tính đến lợi ích của những cường quốc khác, những nước có thể hợp tác với Bắc Kinh trong một số vấn đề nhưng phản đối Bắc Kinh trong những vấn đề khác.

8. Liên Hợp Quốc và ý nghĩa của luật pháp quốc tế

Zhang lập luận rằng việc cải cách trật tự quốc tế phải dựa trên Hiến chương Liên Hợp Quốc, thay vì những quy tắc do từng cường quốc phương Tây thiết lập. Sự phân biệt này giữ vị trí trung tâm trong các cuộc tranh luận ngoại giao đương đại. Hiến chương Liên Hợp Quốc công nhận nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền, giải quyết hòa bình các tranh chấp và những hạn chế đối với việc đe dọa sử dụng hoặc sử dụng vũ lực. Điều 2, khoản 4, nghiêm cấm các quốc gia thành viên đe dọa sử dụng hoặc sử dụng vũ lực chống lại sự toàn vẹn lãnh thổ hoặc độc lập chính trị của các quốc gia khác,

trong khuôn khổ pháp lý của Hiến chương, bao gồm quyền tự vệ và sự cho phép của Hội đồng Bảo an.

Sự phê phán của Zhang liên quan đến khả năng các quốc gia hùng mạnh diễn giải những quy tắc quốc tế một cách có chọn lọc, viện dẫn các nguyên tắc phổ quát khi điều đó thuận tiện nhưng lại đi chệch khỏi chúng khi lợi ích chiến lược bị ảnh hưởng. Lời phê phán này có một bối cảnh lịch sử đáng kể. Hoa Kỳ và một số quốc gia châu Âu đã tiến hành những cuộc can thiệp quân sự mà tính hợp pháp, mục tiêu chính trị và hậu quả nhân đạo vẫn còn gây tranh cãi.

Cuộc xâm lược Iraq năm 2003, cuộc can thiệp vào Libya năm 2011 và lịch sử rộng hơn của các hoạt động quân sự trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh là những ví dụ quan trọng để xem xét mối quan hệ giữa quyền lực địa chính trị và luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, cùng một tiêu chuẩn pháp lý phải được áp dụng cho tất cả các quốc gia. Cuộc xâm lược Ukraine của Nga, các yêu sách trên biển và hoạt động quân sự của Trung Quốc, cũng như hành động của các cường quốc phương Tây, đều phải được xem xét theo những quy định pháp luật liên quan, thay vì theo các tiêu chuẩn khác nhau dựa trên sự liên kết chính trị.

Điều này đặc biệt quan trọng khi thảo luận về sự khác biệt giữa một trật tự quốc tế lấy Liên Hợp Quốc làm trung tâm và cái gọi là trật tự quốc tế “dựa trên luật lệ”. Hai khái niệm này không nhất thiết mâu thuẫn với nhau. Nhiều quy tắc quốc tế bắt nguồn từ các điều ước, luật tập quán quốc tế và những thể chế được thành lập trong khuôn khổ hoặc song song với hệ thống Liên Hợp Quốc. Vấn đề cốt lõi là liệu các quốc gia có áp dụng những quy tắc đó một cách nhất quán và chấp nhận các ràng buộc mà chúng đặt ra hay không. Vì vậy, lời kêu gọi của Zhang về việc tuân thủ Hiến chương Liên Hợp Quốc chặt chẽ hơn đã nêu lên một vấn đề quan trọng, nhưng mức độ đáng tin cậy của lập trường này phụ thuộc vào việc liệu những tiêu chuẩn tương tự có được chấp nhận khi chúng xung đột với chính những ưu tiên chiến lược của Trung Quốc hay không.

9. Dân chủ, trách nhiệm giải trình chính trị và mục đích của chính quyền

Sự phê phán của Zhang đối với nền dân chủ tự do phương Tây không chỉ giới hạn ở những hệ quả quốc tế của nó. Ông còn đặt câu hỏi liệu các thủ tục bầu cử có nên được coi là thước đo mang tính quyết định của quản trị dân chủ hay không. Ông lập luận rằng bầu cử là công cụ chứ không phải mục tiêu chính trị cuối cùng. Đối với Zhang, những mục đích của chính quyền bao gồm hòa bình, phát triển, ổn định xã hội và cải thiện mức sống. Lập luận này thách thức một định nghĩa hạn hẹp về dân

chủ chỉ dựa trên việc tổ chức bầu cử định kỳ.

Thật vậy, không thể đánh giá chất lượng quản trị chỉ dựa vào việc các cuộc bầu cử có được tổ chức hay không. Những thể chế hoạt động hiệu quả, một hệ thống tư pháp độc lập, trách nhiệm giải trình trước công chúng, các biện pháp phòng chống tham nhũng và năng lực cung cấp những dịch vụ thiết yếu cũng rất quan trọng. Tuy nhiên, bầu cử thực hiện một chức năng thể chế đặc biệt không thể bỏ qua. Những cuộc bầu cử có tính cạnh tranh cho phép công dân thay thế chính phủ mà không cần sử dụng bạo lực. Truyền thông độc lập và các tổ chức xã hội dân sự có thể phơi bày những hành vi sai trái, trong khi các cơ quan tư pháp có thể đặt ra những giới hạn đối với việc thực thi quyền hành pháp.

Khi những cơ chế này bị hạn chế, các hình thức trách nhiệm giải trình khác trở nên đặc biệt quan trọng. Vì vậy, cách tiếp cận chú trọng hiệu quả thực tế của Zhang đặt ra một câu hỏi không thể được giải quyết đơn giản bằng cách so sánh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Ai là người xác định liệu một chính phủ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình hay chưa, và công dân có những biện pháp khắc phục hữu hiệu nào khi chính phủ không thực hiện những nghĩa vụ đó? Những thành tựu phát triển của Trung Quốc cung cấp bằng chứng về năng lực hành chính và kinh tế đáng kể.

Tuy nhiên, tự thân những thành tựu ấy không thể giải quyết dứt điểm các cuộc tranh luận về đa nguyên chính trị, tự do biểu đạt hay tính chính danh của quyền lực tập trung. Tương tự, sự tồn tại của cạnh tranh bầu cử tại các nước phương Tây không bảo đảm việc quản lý kinh tế hiệu quả hoặc sự tin tưởng của công chúng. Vì vậy, một phân tích so sánh phải phân biệt trách nhiệm giải trình thông qua bầu cử, các quyền tự do dân sự, năng lực hành chính và những kết quả kinh tế - xã hội, thay vì coi chúng là những thước đo có thể thay thế cho nhau.

Chính ở điểm này, sự thách thức của Zhang đối với những giả định chính trị của phương Tây trở nên có ý nghĩa về mặt trí tuệ, ngay cả đối với những độc giả không chấp nhận kết luận của ông. Nó khuyến khích việc xem xét sâu sắc hơn mối quan hệ giữa các thể chế chính trị và những mục đích thực tiễn mà các thể chế đó được thiết lập để phục vụ.

10. Sự mở rộng của NATO, Ukraine và thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh

Trong bài phát biểu tại Istanbul, Zhang cũng thảo luận về sự mở rộng của NATO và nguồn gốc cuộc chiến tranh ở Ukraine. Ông lập luận rằng những đợt mở rộng liên tiếp của NATO đã góp phần làm suy giảm an ninh châu Âu và cho rằng một cách tiếp cận

khác có thể đã ngăn chặn được cuộc khủng hoảng. Cách diễn giải này là một phần của cuộc tranh luận rộng lớn hơn về cấu trúc an ninh châu Âu sau Chiến tranh Lạnh. Sau khi Liên Xô tan rã, một số quốc gia Trung và Đông Âu đã tìm cách gia nhập NATO, một phần do những trải nghiệm lịch sử dưới sự thống trị của Liên Xô và những lo ngại về an ninh trong tương lai. NATO đã mở rộng vào các năm 1999, 2004 và trong những đợt tiếp theo. Phần Lan gia nhập năm 2023 và Thụy Điển năm 2024, sau cuộc xâm lược Ukraine trên quy mô lớn của Nga vào tháng 2 năm 2022.

Từ góc nhìn của Nga, sự mở rộng của một liên minh quân sự do Hoa Kỳ lãnh đạo về phía biên giới Nga được trình bày như một mối đe dọa đối với an ninh chiến lược của nước này. Trong khi đó, từ góc nhìn của nhiều chính phủ Trung và Đông Âu, tư cách thành viên NATO lại được xem là sự bảo vệ trước chính kiểu áp lực quân sự mà họ lo ngại từ Nga. Cả hai nhận thức này đều quan trọng để hiểu thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh.

Một biện pháp được quốc gia này coi là mang tính phòng thủ có thể bị quốc gia khác diễn giải là một mối đe dọa, dẫn đến sự leo thang trong công tác chuẩn bị quân sự, ngay cả khi các bên đều tuyên bố đang tìm kiếm an ninh. Tuy nhiên, việc giải thích động lực này không chứng minh rằng sự mở rộng của NATO khiến cuộc xâm lược của Nga trở nên không thể tránh khỏi hoặc được biện minh về mặt pháp lý. Chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Ukraine vẫn được bảo vệ theo luật pháp quốc tế.

Tương tự, gợi ý của Zhang rằng việc chấm dứt mở rộng NATO sau một đợt mở rộng trước đó có thể đã ngăn chặn chiến tranh không phải là một sự kiện lịch sử có thể chứng minh được. Đây là một cách diễn giải giả định về điều đã có thể xảy ra, không thể được kiểm chứng một cách dứt khoát. Vì vậy, cuộc tranh luận liên quan đến mối quan hệ giữa các quyết định chiến lược, những mối đe dọa được nhận thức, các thất bại ngoại giao và trách nhiệm đối với việc sử dụng vũ lực. Phát biểu của Zhang có ý nghĩa vì nó minh họa cách tư duy địa chính trị Trung Quốc thường đặc biệt nhấn mạnh những mối quan ngại về an ninh của các cường quốc.

Tuy nhiên, một hệ thống đa cực cũng phải tính đến chủ quyền và những lựa chọn về an ninh của các quốc gia nhỏ hơn. Một trật tự quốc tế ổn định không thể chỉ phụ thuộc vào những thỏa thuận giữa các quốc gia hùng mạnh nhất nếu những thỏa thuận đó bỏ qua lợi ích của các nước láng giềng. Đây là một thách thức cốt lõi đối với bất kỳ phương án thay thế nào được đề xuất cho cấu trúc an ninh hiện hành.

11. Donald Trump và ngoại giao giữa các cường quốc

Những nhận xét của Zhang về Donald Trump mang lại một góc nhìn khác về cách tiếp cận của Trung Quốc đối với quan hệ quốc tế. Ông cho rằng Trump nhận thức được tầm quan trọng của việc trực tiếp làm việc với những quốc gia hùng mạnh và các nhà lãnh đạo của họ. Theo cách diễn giải của Zhang, điều này tạo ra cơ hội cho các hoạt động ngoại giao giữa Washington, Bắc Kinh và Moskva. Ý tưởng nền tảng là việc liên lạc trực tiếp giữa các cường quốc có thể giảm bớt những hiểu lầm và mở ra cơ hội đạt được các giải pháp thông qua đàm phán.

Trong lịch sử, ngoại giao giữa các cường quốc đã đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý các cuộc khủng hoảng quốc tế. Thời kỳ Chiến tranh Lạnh cung cấp những ví dụ về cả đối đầu lẫn sự kiềm chế đạt được thông qua đàm phán, bao gồm các hiệp định kiểm soát vũ khí và những cơ chế liên lạc trực tiếp giữa Washington và Moskva. Tuy nhiên, nền ngoại giao chủ yếu xoay quanh các cường quốc cũng tiềm ẩn rủi ro. Những quốc gia nhỏ hơn có thể lo ngại rằng lợi ích an ninh của họ sẽ bị đặt dưới những thỏa thuận được thương lượng mà không có sự tham gia của họ.

Sự căng thẳng này đặc biệt liên quan đến các cuộc thảo luận về Ukraine, Đài Loan, Biển Đông và tương lai an ninh châu Âu. Một thỏa thuận ngoại giao có thể làm giảm căng thẳng giữa các cường quốc nhưng đồng thời tạo ra sự bất định cho những quốc gia chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các điều khoản của thỏa thuận đó. Vì vậy, sự nhấn mạnh của Zhang vào đối thoại chiến lược cần được xem xét song song với nguyên tắc rằng các quốc gia có chủ quyền có những lợi ích chính đáng trong các quyết định ảnh hưởng đến an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của họ. Thách thức thực tiễn là kết hợp việc liên lạc trực tiếp giữa các cường quốc với một nền ngoại giao bao trùm và sự tôn trọng luật pháp quốc tế.

12. Vì sao Trung Quốc không e ngại Hoa Kỳ

Tiêu đề của video gốc gợi ý rằng thông điệp trung tâm của Zhang là sự tự tin của Trung Quốc khi đối diện với sức mạnh của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, nội dung thực chất trong lập luận của ông phức tạp hơn một lời khẳng định đơn giản rằng Trung Quốc không sợ hãi về mặt địa chính trị. Lập trường của ông dựa trên một số luận điểm có liên hệ chặt chẽ với nhau:

- Thứ nhất, Trung Quốc sở hữu một nền kinh tế nội địa rộng lớn, năng lực công nghiệp đáng kể và một mạng lưới cơ sở hạ tầng phát triển ở trình độ cao.
- Thứ hai, giới lãnh đạo chính trị Trung Quốc hoạt động trong một khuôn khổ lịch sử và thể chế mà Zhang tin rằng khuyến khích việc hoạch định chiến lược dài hạn.
- Thứ ba, Trung Quốc ngày càng có mối liên kết chặt chẽ với các đối tác kinh tế trên khắp châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh và những khu vực khác.

- Thứ tư, nền kinh tế quốc tế đang ngày càng trở nên đa dạng hơn, làm giảm khả năng một quốc gia đơn lẻ có thể quyết định những kết quả kinh tế trên toàn cầu.
- Cuối cùng, Zhang tin rằng những truyền thống văn minh của Trung Quốc cung cấp một khuôn khổ tư tưởng để theo đuổi ảnh hưởng quốc tế mà không nhất thiết phải tái tạo những cấu trúc liên minh quân sự gắn liền với quyền lực phương Tây.

Những luận điểm này giải thích vì sao ông trình bày Trung Quốc như một quốc gia tự tin về vị thế quốc tế lâu dài của mình. Tuy nhiên, tự tin không đồng nghĩa với bất khả xâm phạm. Trung Quốc đang phải đối mặt với những thay đổi về nhân khẩu học, sự chênh lệch kinh tế giữa các vùng, áp lực môi trường và những căng thẳng liên quan đến thương mại, công nghệ và an ninh quốc gia. Các quan hệ đối tác quốc tế của nước này cũng khác nhau đáng kể về mức độ gắn kết và mục tiêu chính trị. Chẳng hạn, BRICS bao gồm những quốc gia có lợi ích chiến lược khác biệt. Việc là thành viên của nhóm này không đồng nghĩa với sự tồn tại của một liên minh quân sự chung hoặc sự ủng hộ thống nhất dành cho chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa Trung Quốc với Hoa Kỳ và châu Âu tạo ra cơ hội hợp tác, nhưng đồng thời cũng khiến tất cả các bên dễ bị ảnh hưởng bởi những gián đoạn phát sinh từ các hạn chế thương mại và cạnh tranh công nghệ.

Vì vậy, câu hỏi không đơn giản chỉ là liệu Trung Quốc có e ngại Hoa Kỳ hay không. Một câu hỏi hữu ích hơn về mặt phân tích là liệu Trung Quốc có đủ khả năng chống chịu về kinh tế, công nghệ, ngoại giao và thể chế để theo đuổi lợi ích của mình mà không để sự cạnh tranh chiến lược phát triển thành một cuộc đối đầu quân sự trực tiếp hay không. Bài phát biểu của Zhang cho thấy ông tin rằng Trung Quốc có khả năng đó. Tuy nhiên, liệu kỳ vọng này có trở thành hiện thực hay không sẽ phụ thuộc vào những diễn biến không thể được xác định chỉ bằng triết lý chính trị.

13. Châu Âu giữa Washington và Bắc Kinh

Mặc dù bài phát biểu của Zhang chủ yếu tập trung vào Trung Quốc và thế giới đa cực đang hình thành, những hàm ý của nó đối với châu Âu là rất đáng kể. Trong nhiều thập niên, các chính sách kinh tế và an ninh của châu Âu đã phát triển trong khuôn khổ quan hệ xuyên Đại Tây Dương, nơi Hoa Kỳ giữ vị trí trung tâm. Đồng thời, các doanh nghiệp châu Âu ngày càng hội nhập sâu vào các mạng lưới sản xuất công nghiệp châu Á và thị trường Trung Quốc.

Mối quan hệ hình thành từ quá trình này được đặc trưng bởi sự đan xen giữa các lợi ích kinh tế và chiến lược. Châu Âu duy trì những mối liên kết an ninh sâu rộng với Washington, đồng thời có những lợi ích thương mại đáng kể tại Trung Quốc và trên khắp châu Á. Điều này tạo ra những lựa chọn khó khăn liên quan đến chính sách

công nghiệp, công nghệ, đầu tư, thương mại và quốc phòng. Một chính sách hội nhập kinh tế không hạn chế có thể tạo ra những điểm dễ bị tổn thương khi các công nghệ hoặc cơ sở hạ tầng thiết yếu phụ thuộc quá nhiều vào các nhà cung cấp bên ngoài.

Ngược lại, việc tách rời kinh tế trên quy mô lớn có thể làm tăng chi phí, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và làm giảm cơ hội hợp tác khoa học và công nghiệp. Câu hỏi trung tâm đối với các nhà hoạch định chính sách châu Âu là làm thế nào để quản lý những lợi ích cạnh tranh này, đồng thời duy trì khả năng đưa ra các quyết định độc lập. Lập luận của Zhang về nhà nước-văn minh bổ sung thêm một khía cạnh khác. Nếu hệ thống quốc tế đang trở nên đa dạng hơn, châu Âu có thể ngày càng phải tiếp xúc với những quốc gia bác bỏ giả định rằng các thể chế chính trị phương Tây cung cấp một mô hình có thể áp dụng phổ quát.

Điều này không đòi hỏi châu Âu phải từ bỏ các nguyên tắc hiến định của chính mình. Tuy nhiên, nó đòi hỏi phải phân biệt rõ ràng giữa việc bảo vệ những nguyên tắc đó trong nước và giả định rằng các xã hội khác nhất thiết sẽ tổ chức các thể chế chính trị của họ theo cùng một cách. Quan hệ ngoại giao có thể thừa nhận những khác biệt chính trị mà không đồng nghĩa với việc tán thành mọi chính sách do chính phủ của một quốc gia khác theo đuổi. Tương tự, hợp tác kinh tế không nhất thiết phải loại bỏ những mối quan ngại chính đáng về nhân quyền, an ninh hoặc luật pháp quốc tế. Thách thức của châu Âu là xây dựng những chính sách có khả năng cân bằng các mục tiêu này, thay vì mặc nhiên coi chúng là không thể dung hòa.

14. Từ cạnh tranh địa chính trị đến thịnh vượng chung

Yếu tố tham vọng nhất trong bài phát biểu của Zhang liên quan đến khả năng thay thế nền địa chính trị đối đầu bằng một trật tự quốc tế được tổ chức xoay quanh phát triển và hợp tác. Tầm nhìn của ông nhấn mạnh cơ sở hạ tầng, thương mại, hội nhập khu vực, sự kiên nhẫn chiến lược và việc thừa nhận những truyền thống chính trị khác nhau. Những nguyên tắc này đáp ứng các vấn đề thực sự đang tồn tại trong quan hệ quốc tế đương đại.

Đối đầu quân sự chuyển hướng các nguồn lực ra khỏi phát triển kinh tế và xã hội. Những thiếu hụt về cơ sở hạ tầng hạn chế các cơ hội thương mại. Sự bất bình đẳng về thể chế có thể làm suy giảm niềm tin vào các tổ chức quốc tế. Đồng thời, những dự án hợp tác kinh tế có thể tạo ra động lực duy trì quan hệ hòa bình. Tuy nhiên, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế không tự động ngăn chặn xung đột. Trước Chiến tranh Thế giới thứ nhất, các nền kinh tế châu Âu đã có mối liên kết sâu sắc thông qua thương mại, tài chính và đầu tư.

Những mối quan hệ đó đã không ngăn chặn được đối đầu quân sự. Tương tự, sự tồn tại của hoạt động thương mại rộng lớn giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ không loại bỏ được những tranh chấp về công nghệ, an ninh hoặc ảnh hưởng khu vực. Hòa bình đòi hỏi nhiều hơn những trao đổi thương mại. Nó phụ thuộc vào các thể chế đáng tin cậy, những thỏa thuận đạt được thông qua đàm phán, các cơ chế quản lý khủng hoảng hiệu quả và sự chấp nhận những giới hạn đối với việc sử dụng vũ lực. Một trật tự đa cực trong tương lai cũng sẽ phải dung hòa những cách diễn giải khác nhau về chủ quyền.

Các cường quốc thường nhấn mạnh chủ quyền khi bảo vệ lợi ích của chính mình, nhưng có thể diễn giải nguyên tắc đó theo cách khác khi quan hệ với các quốc gia láng giềng. Một khuôn khổ quốc tế nhất quán phải bảo vệ chủ quyền của các quốc gia nhỏ cũng như các quốc gia lớn. Hiến chương Liên Hợp Quốc cung cấp một nền tảng pháp lý chung cho mục tiêu này, mặc dù hiệu quả của nó phụ thuộc vào việc thực thi và sự sẵn sàng của các quốc gia thành viên trong việc chấp nhận những ràng buộc mà Hiến chương đặt ra. Vì vậy, việc Zhang nhấn mạnh hòa bình và phát triển là một đóng góp quan trọng cho cuộc tranh luận về trật tự quốc tế. Câu hỏi vẫn chưa được giải quyết là làm thế nào chuyển hóa những nguyên tắc đó thành các thể chế vẫn hoạt động hiệu quả khi những quốc gia hùng mạnh bất đồng với nhau.

Kết luận: Tương lai của châu Á và những lựa chọn mà thế giới đang đối mặt

Zhang Weiwei kết thúc bài phát biểu tại Istanbul bằng một sự so sánh lịch sử. Ông cho rằng cách đây một thế kỷ, châu Âu đại diện cho trung tâm đã được xác lập của các vấn đề thế giới, nước Mỹ tượng trưng cho tương lai, còn châu Á vẫn gắn liền với một giai đoạn lịch sử trước đó. Ngày nay, theo lập luận của ông, mối quan hệ này đang thay đổi: châu Âu đại diện cho quá khứ, nước Mỹ đại diện cho hiện tại và châu Á đại diện cho tương lai.

Cách diễn đạt này phản ánh một sự chuyển đổi quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu. Châu Á đã trở thành một trung tâm chủ chốt của sản xuất công nghiệp, thương mại quốc tế, phát triển công nghệ và sự gia tăng của các tầng lớp trung lưu trên thế giới. Sự phát triển của Trung Quốc là một phần quan trọng trong quá trình chuyển đổi đó, nhưng câu chuyện rộng lớn hơn của châu Á còn bao gồm Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đông Nam Á và những nền kinh tế khác với các hệ thống chính trị và lợi ích chiến lược riêng biệt.

Châu Á không phải là một chủ thể địa chính trị thống nhất. Sự mở rộng ảnh hưởng kinh tế của châu Á cũng không nhất thiết đồng nghĩa với sự biến mất của năng lực

châu Âu hoặc Hoa Kỳ. Trật tự quốc tế trong tương lai nhiều khả năng sẽ bao gồm những mối quan hệ phức tạp giữa một số trung tâm kinh tế và chính trị lớn, thay vì chỉ là sự chuyển giao đơn giản vai trò lãnh đạo toàn cầu từ quốc gia này sang quốc gia khác. Khái niệm nhà nước-văn minh của Zhang thách thức niềm tin rằng hiện đại hóa nhất thiết phải dẫn đến sự hội tụ về chính trị.

Việc ông nhấn mạnh phát triển đặt ra những câu hỏi về cách thức đánh giá các chính phủ. Sự ủng hộ của ông đối với tính đa cực làm nổi bật khoảng cách ngày càng lớn giữa một số thể chế quốc tế được kế thừa từ quá khứ và sự thay đổi trong phân bổ quyền lực kinh tế. Đồng thời, những khẳng định của ông liên quan đến sự kiềm chế của Trung Quốc, luật pháp quốc tế và quản trị nhà nước cần được xem xét với cùng mức độ nghiêm ngặt như mức độ cần áp dụng đối với các diễn ngôn chính trị phương Tây.

Vấn đề trung tâm không phải là liệu một nền văn minh có nên thay thế một nền văn minh khác ở đỉnh cao của hệ thống thứ bậc quốc tế hay không. Vấn đề là liệu những quốc gia có lịch sử, thể chế chính trị và lợi ích chiến lược khác nhau có thể thiết lập một hệ thống trong đó hợp tác vẫn khả thi mà không đòi hỏi sự đồng nhất về hệ tư tưởng hay không. Một trật tự như vậy phải dung nạp cạnh tranh kinh tế, bất đồng chính trị và những mối quan ngại chính đáng về an ninh của cả các quốc gia lớn lẫn các quốc gia nhỏ.

Trật tự đó cũng cần thừa nhận rằng phát triển, trách nhiệm giải trình chính trị, chủ quyền và hòa bình là những mục tiêu có liên hệ với nhau nhưng vẫn khác biệt. Bài phát biểu của Zhang đưa ra một cách diễn giải về việc quá trình chuyển đổi này có thể diễn ra như thế nào. Ý nghĩa lâu dài của nó nằm ở những câu hỏi được đặt ra về tính chính danh chính trị, sự liên tục lịch sử và cách tổ chức quyền lực quốc tế. Sự xuất hiện của một thế giới đa cực, tự thân nó, không bảo đảm công bằng hoặc ổn định lớn hơn. Những hệ quả của nó sẽ phụ thuộc vào các nguyên tắc và thể chế mà các quốc gia lựa chọn để quản lý sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng gia tăng.

Nguồn tư liệu và tài liệu tham khảo

Những nguồn tư liệu dưới đây cung cấp tài liệu gốc, bằng chứng từ các tổ chức và những quan điểm khác nhau được sử dụng trong bài viết này. Tất cả các liên kết đều dẫn đến những ấn phẩm gốc hoặc nguồn dữ liệu tương ứng.

Nguồn	Ấn phẩm và URL
Bài phát biểu gốc	Zhang Weiwei, Vì sao Trung Quốc không e ngại Hoa Kỳ, Video YouTube

Nguồn	Ấn phẩm và URL
Đại học Phúc Đán, 2026	Zhang Weiwei tại Diễn đàn Đông – Tây ở Istanbul
Đại học Phúc Đán, 2025	Nhà nước-văn minh như một đại tự sự
Zhang Weiwei và Pankaj Mishra, 2026	Trung Quốc và thế giới sắp tới
Ngân hàng Thế giới	Xếp hạng GDP dựa trên sức mua tương đương
Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)	Dữ liệu kinh tế Trung Quốc
Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), 2026	Theo dõi sự phát triển con người tại Trung Quốc
Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP)	Dữ liệu và tài liệu về phát triển con người
Ngân hàng Thế giới	Quản lý những rủi ro của Sáng kiến Vành đai và Con đường
Ngân hàng Thế giới	Kinh tế học của Sáng kiến Vành đai và Con đường: Cơ hội và rủi ro
Ban Thư ký ASEAN	Quan hệ kinh tế ASEAN – Trung Quốc
Tòa Trọng tài Thường trực	Vụ kiện trọng tài Biển Đông
Liên Hợp Quốc	Hiến chương Liên Hợp Quốc
Freedom House, 2025	Trung Quốc: Tự do trên thế giới
NATO	Lịch sử thành viên và mở rộng NATO
Ủy ban Đánh giá Kinh tế và An ninh Mỹ – Trung	Xung đột tại biên giới Trung Quốc – Ấn Độ

Ghi chú biên tập: Bài viết này phân biệt những cách diễn giải của Zhang Weiwei với các diễn biến đã được ghi nhận độc lập. Một số phát biểu trong bài diễn thuyết gốc, bao gồm những con số cụ thể liên quan đến BRICS, nguồn tài chính của Sáng kiến Vành đai và Con đường và sự kiềm chế quân sự, không thể được chấp nhận nếu thiếu những lưu ý bổ sung về phương pháp luận hoặc lịch sử. Danh sách nguồn tư liệu cung cấp nền tảng cho việc tiếp tục kiểm chứng, chứ không có nghĩa là mọi phát biểu trong bản ghi lời nói gốc đều đã được xác nhận độc lập.